

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ IV NĂM 2012

TÊN ĐƠN VỊ: TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

ĐỊA CHỈ : 68 Nguyễn Trung Trực - KP 9 - Bến Lức - Long An

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. min	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,451,778,083,149	1,194,535,069,316
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	21,689,041,968	17,504,224,245
1. Tiền	111		21,689,041,968	17,504,224,245
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	866,194,004,131	686,285,254,747
1. Phải thu khách hàng	131		314,400,067,150	396,147,194,580
2. Trả trước cho người bán	132		127,790,235,506	269,259,277,648
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		429,697,613,767	24,875,343,762
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5,693,912,292)	(3,996,561,243)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	532,464,232,778	459,569,461,675
1. Hàng tồn kho	141		532,464,232,778	459,569,461,675
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31,430,804,272	31,176,128,649
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	4,182,838,494	4,873,098,962
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10,880,425,559	116,883,799
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	3,607,898,681	1,333,962,602
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	12,759,641,538	24,852,183,286

(Phần tiếp theo trang 02)



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. min	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,071,427,777,128	953,812,248,380
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		916,469,188,093	799,019,949,422
1. TSCĐ hữu hình	221	5.7	255,864,333,315	269,066,629,418
+ Nguyên giá	222		393,929,089,502	367,236,721,982
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(138,064,756,187)	(98,170,092,564)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.8	51,838,881,230	51,945,881,234
+ Nguyên giá	228		52,473,347,920	52,473,347,920
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(634,466,690)	(527,466,686)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	608,765,973,548	478,007,438,770
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	5.10	132,038,108,439	131,978,108,439
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		132,038,108,439	131,978,108,439
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Lợi thế thương mại</i>	260		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	270		22,920,480,596	22,814,190,519
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	5.11	10,868,586,981	11,789,841,394
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	5.12	10,896,066,238	10,909,349,125
3. Tài sản dài hạn khác	278	5.13	1,155,827,377	115,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2,523,205,860,277	2,148,347,317,696

041405
**CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 TẬP ĐOÀN
 HOÀNG LONG**
 HỒ CHÍ MINH

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã	Th.	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		2,005,664,670,123	1,561,614,106,223
I. Nợ ngắn hạn	310		1,932,539,957,230	1,344,067,861,913
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	1,183,752,147,602	800,589,964,892
2. Phải trả người bán	312	5.15	434,658,071,627	293,912,614,582
3. Người mua trả tiền trước	313	5.15	143,265,820,127	14,261,536,016
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	0	5.16	18,030,927,189	12,674,259,772
5. Phải trả người lao động	315		11,820,439,891	12,107,505,757
6. Chi phí phải trả	316	5.17	53,580,980,912	58,731,391,468
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	66,712,695,136	138,381,882,995
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		20,718,874,746	13,408,706,431
II. Nợ dài hạn	330		73,124,712,893	217,546,244,310
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	6,416,400,888	5,997,805,888
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	54,199,001,344	196,628,850,494
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	5.21	14,510,651	14,510,651
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	4,255,350
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.22	12,494,800,010	14,900,821,927
9. Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		517,166,059,188	573,138,572,998
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.23	517,166,059,188	573,138,572,998
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		443,753,850,000	443,753,850,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(7,500,000,000)	(7,500,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	93,962,961
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		19,625,260,797	16,482,223,295
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		16,826,941,005	14,312,511,004
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	1,376,512,290
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		44,460,007,386	104,619,513,448
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	5.24	375,130,966	13,594,638,475
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,523,205,860,277	2,148,347,317,696

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th.		
	minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		371,111.96	243,478.55
- USD		369,536.11	243,243.55
- EUR		1,575.85	235.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 15 tháng 02 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

Cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý IV Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã T	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	393,751,130,621	605,350,042,438	1,967,582,584,114	1,847,576,414,232
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	4,367,408,005	7,693,245,560	29,172,044,279	59,749,940,618
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10 6	389,383,722,616	597,656,796,878	1,938,410,539,835	1,787,826,473,614
4. Giá vốn hàng bán	11 6	363,360,137,862	502,728,163,105	1,702,727,563,045	1,462,074,690,212
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	26,023,584,754	94,928,633,773	235,682,976,790	325,751,783,402
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21 6	12,267,374,561	9,745,806,719	20,289,223,434	24,866,393,675
7. Chi phí tài chính	22 6	24,557,849,000	36,543,705,169	79,378,814,797	123,003,244,458
Trong đó: chi phí lãi vay	23	23,718,578,698	17,676,291,581	68,657,292,726	51,925,950,301
8. Chi phí bán hàng	24 7	26,048,434,554	21,333,449,985	98,406,099,269	85,684,897,304
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 7	23,921,018,398	29,233,393,932	77,196,348,916	79,896,446,314
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(36,236,342,637)	17,563,891,406	990,937,241	62,033,589,001
11. Thu nhập khác	31 7	2,469,049,353	3,573,349,714	8,290,690,819	11,800,835,703
12. Chi phí khác	32 7	2,441,491,370	767,517,795	6,124,544,437	6,576,517,842
13. Lợi nhuận khác	40	27,557,983	2,805,831,919	2,166,146,382	5,224,317,861
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	50		(24,274,984)		(24,274,984)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60	(36,208,784,654)	20,345,448,341	3,157,083,622	67,233,631,878
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1,970,508,375	3,574,214,991	3,031,476,497	4,634,221,124
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	874,952,221	(40,858,582)	13,282,887	108,908,873
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(39,054,245,250)	16,812,091,932	112,324,238	62,490,501,881
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		(13,894,772)	(230,261,268)	(37,236,089)	(370,248,151)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		(39,040,350,478)	17,042,353,200	149,560,327	62,860,750,032
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(883)	385	3	1,421

Long An, ngày 15 tháng 02 năm 2013

Nguyễn Thị Trúc
Kế toán trưởng



Phạm Phúc Toại
Tổng Giám đốc

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3,157,083,622	67,233,631,878
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		40,314,180,969	35,560,049,275
Các khoản dự phòng	03		2,365,278,409	
Lãi/ lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(465,936,634)	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(16,492,731,726)	
Chi phí lãi vay	06		68,657,292,726	
Điều chỉnh khác				
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		97,535,167,366	102,793,681,153
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(225,780,677,476)	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(73,298,199,465)	
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		272,997,242,304	
Tăng giảm chi phí trả trước	12		1,587,464,631	
Tiền lãi vay đã trả	13		(68,657,292,726)	
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3,464,230,139)	
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		19,425,411,705	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh			(59,667,526,199)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			(39,322,639,999)	102,793,681,153
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(158,086,741,118)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		8,000,000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(60,000,000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9,064,707,915	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(149,074,033,203)	-



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở			
1. hữu	31		-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,719,554,466,058	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2,478,361,812,835)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(48,614,077,500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	192,578,575,723	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	4,181,902,521	102,793,681,153
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17,504,224,245	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2,915,202	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	21,689,041,968	102,793,681,153

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

Long An ngày 15 tháng 02 năm 2013

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5003000180 ngày 14 tháng 02 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Long An cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 12 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 68 đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 443.753.850.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 08 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn)

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn là:

- Gia công sơ chế nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất thuốc lá; bán buôn, đại lý thuốc lá điều, nguyên phụ liệu, vật tư sản xuất thuốc lá;
- Cho thuê : máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất thuốc lá;
- Kinh doanh nguyên phụ liệu, vật tư ngành in ấn, máy móc, thiết bị các loại ; in ấn bao bì phục vụ sản xuất hàng hóa, thuốc lá;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng nhà ở, giao thông, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi; đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp;
- Mua bán vật liệu xây dựng, cừ tràm;
- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Cho thuê nhà ở, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và công nghiệp; cho thuê và mướn kho bãi;
- Khai thác đất, khai thác cát, đá, sỏi (ngoài tỉnh);
- Khai thác nước ngầm, cung cấp nước sạch cho dân cư và công nghiệp;
- Hoạt động câu lạc bộ bóng đá, bóng chuyền, bóng bàn, cầu lông, quần vợt, mua bán chuyển nhượng cầu thủ; mua bán dụng cụ thể dục, thể thao;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; kinh doanh xe ô tô, xe máy các loại;
- Kinh doanh các loại hình dịch vụ hỗ trợ phát triển khu dân cư, khu đô thị;
- Tư vấn cho các doanh nghiệp về lập và triển khai dự án kinh doanh; lập dự án đầu tư, tư vấn đấu thầu, quản lý dự án;
- Tư vấn xây dựng (trừ thiết kế, giám sát, khảo sát công trình);
- Kinh doanh xăng dầu, khí đốt và các sản phẩm có liên quan;
- Thoát nước và xử lý nước thải; thi công, lắp đặt hệ thống đường cống thoát nước; mua bán các loại vật tư, thiết bị ngành nước;
- Sản xuất và chế biến thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh phân bón các loại....

(Phần tiếp theo ở trang 9)



TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

1.3.1. Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Phát Triển Hạ Tầng Hoàng Long	Lầu 2, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Công Nghệ và Thương Mại Hoàng Long	Tầng trệt, Tòa Nhà Hoàng Long, 68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức, tỉnh Long An	100%	100%
3.	Công ty TNHH MTV Vận Tải và Khai Thác Khoáng Sản Hoàng Long	68 Nguyễn Trung Trực, KP9, thị trấn Bến Lức tỉnh Long An	100%	100%
4.	Công ty TNHH MTV Taxi Sài Gòn Hoàng Long	281-283 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, TP.HCM	100%	100%
5.	Công ty TNHH MTV Chế Biến Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
6.	Công ty TNHH MTV Nuôi Trồng Thủy Sản Hoàng Long	Ấp Tân Cường, xã Phú Cường, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp	100%	100%
7.	Công ty CP Hoàng Long Mê Kong	Số 154D, đường 134, P. Veal Vong, Quận 7 Makara, TP.Pnompenh Campuchia	55%	87.26%

1.3.2. Công ty con gián tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty CP Thanh Mỹ	469 Đinh Bộ Lĩnh, KP5, Phường 9, TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang	98,93%	98,9%

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty liên doanh, liên kết</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của Công ty</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty</u>
1.	Công ty TNHH SX và TMDV Thanh Thy	A-14 Lô H30 Khu Phố Mỹ Quang, Q.7, TP.HCM	30%	30%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập Đoàn Hoàng Long, báo cáo tài chính các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Tại thời điểm thụ đắc Công ty con, lợi thế thương mại được xác định là khoản chênh lệch giữa các chi phí đầu tư và giá trị thuần của những tài sản thuần có thể xác định. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán trực tiếp vào chi phí trong kỳ.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối kỳ kế toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 08 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản khác	02 năm
+ Tài sản cố định vô hình	02 – 50 năm

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần lương tối thiểu chung được Chính Phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: trích lập căn cứ vào Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông hàng năm.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ghi nhận khi thu được 70% tiền ứng trước từ khách hàng theo quy định trên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

4.11. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các báo cáo thuế của các công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các công ty trong Tập đoàn.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	7.921.394.495	2.078.892.105
Tiền gửi ngân hàng	13.767.647.473	15.425.332.140
Tổng cộng	21.689.041.968	17.504.224.245

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	314.400.067.150	396.147.194.580
Trả trước cho người bán	127.790.235.506	269.259.277.648
Phải thu nội bộ	-	-
Các khoản phải thu khác	429.697.613.767	24.875.343.762
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	871.887.916.423	690.281.815.990
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.693.912.292)	(3.996.561.243)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	866.194.004.131	686.285.254.747

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu về hoạt động thương mại	247.401.110.484	330.153.732.853
Phải thu hoạt động thi công	7.890.306.581	-
Phải thu hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	58.054.692.111	65.993.461.727
Phải thu hoạt động taxi	1.053.957.974	-
Cộng	314.400.067.150	396.147.194.580

Các khoản trả trước người bán được chi tiết như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước về cung cấp thiết bị	105.693.561.866	-
Trả trước hoạt động thi công	6.362.364.762	5.553.355.810
Trả trước hoạt động thương mại	8.359.982.416	9.780.320.500
Trả trước tiền mua nguyên vật liệu	6.002.667.600	253.518.867.714
Khác	1.371.658.862	406.733.624
Cộng	127.790.235.506	269.259.277.648

Chi tiết các khoản phải thu khác gồm :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu tiền tạm ứng cổ tức cho nhân viên	-	-
Phải thu tiền cho tạm mượn	408.550.340.814	12.433.782.295
Phải thu tiền lệ phí trước bạ ứng trước cho khách hàng	1.230.224.437	1.236.268.237
Thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa khấu trừ	434.294.847	1.538.755.304
Ứng trước tiền liên kết nuôi thủy sản	7.185.042.007	4.175.354.500
Phải thu Phạm Phúc Toại	-	20.828.000
Phải thu Công Ty Thanh Thy	542.000.000	542.000.000
Khác	11.755.711.662	4.928.355.426
Cộng	429.697.613.767	24.875.343.762

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	116.836.209	23.232.000
Nguyên liệu, vật liệu	24.657.224.710	62.562.910.852
Công cụ, dụng cụ	8.517.698.757	8.614.069.952
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	277.573.771.162	174.004.921.841
Thành phẩm	193.283.852.518	182.339.222.242
Hàng hóa	28.314.849.422	32.025.104.788
Hàng gửi bán	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	532.464.232.778	459.569.461.675
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	532.464.232.778	459.569.461.675

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	-	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.422.273.276	2.869.930.849
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	1.760.565.218	1.784.077.204
Chi phí quảng cáo chờ phân bổ	-	-
Khác	-	219.090.909
Tổng cộng	4.182.838.494	4.873.098.962

5.5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế TNDN nộp thừa	1.054.615.670	1.322.067.746
Thuế TNCN nộp thừa	10.245.856	10.394.856
Thuế GTGT được khấu trừ	2.541.490.295	-
Thuế tài nguyên nộp thừa	46.860	-
Khác	1.500.000	1.500.000
Tổng cộng	3.607.898.681	1.333.962.602

5.6. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	5.344.623.602	3.826.810.211
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.415.017.936	21.025.373.075
Tổng cộng	12.759.641.538	24.852.183.286

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	25.984.623.887	117.349.610.218	215.354.629.461	4.172.135.832	4.375.722.584	367.236.721.982
Mua trong kỳ	2.700.086.727	2.302.80.663	4.675.945.270	139.639.173	174.290.000	9.992.769.833
Phân loại lại TSCĐ ĐK	(13.636.363)	(7.341.155.108)	7.341.155.108	13.636.363	-	-
Giảm do chuyển nhượng	-	(32.595.820)	(501.954.800)	(110.284.260)	-	(644.834.880)
Thanh lý	-	(21.000.000)	-	-	-	(21.000.000)
Đầu tư XD CB hoàn thành	21.017.000	210.043.510	17.134.372.057	-	-	17.365.432.567
Số dư cuối kỳ	28.692.091.251	112.467.711.463	244.004.147.096	4.215.127.108	4.550.012.584	393.929.089.502
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	5.563.572.399	16.468.620.787	71.661.803.984	3.479.164.555	996.930.839	98.170.092.564
Khấu hao trong kỳ	2.244.310.328	10.691.213.661	26.267.718.932	372.308.539	610.241.233	40.185.792.693
Giảm khác	(32.157.840)	(77.416.355)	-	-	-	(109.574.195)
Thanh lý	-	(7.583.342)	-	-	-	(7.583.342)
Phân loại lại TSCĐ ĐK	(1.988.630)	(1.031.225.995)	1.031.225.995	1.988.630	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	109.574.195	109.574.195
Số dư cuối kỳ	7.741.140.853	25.901.951.871	98.851.455.472	3.853.461.724	1.716.746.267	138.064.756.187
Tại ngày đầu kỳ	20.421.051.488	100.880.989.431	143.692.825.449	692.971.305	3.378.791.745	269.066.629.418
Tại ngày cuối kỳ	20.950.950.398	86.565.759.592	145.152.691.624	361.665.384	2.833.266.317	255.864.333.315

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp là : 196.798.816.016 đồng
- Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là : 3.947.473.409 đồng

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	52.463.047.920	10.300.000	52.473.347.920
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	52.463.047.920	10.300.000	52.473.347.920
Hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	517.166.686	10.300.000	527.466.686
Khấu hao trong kỳ	107.000.004	-	107.000.004
Số dư cuối kỳ	624.166.690	10.300.000	634.466.690
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	51.945.881.234	-	51.945.881.234
Tại ngày cuối kỳ	51.838.881.230	-	51.838.881.230

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 10.300.000 đồng

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối kỳ	Đầu năm
Mua sắm tài sản cố định	13.062.382.421	128.313.113.494
Phí bảo hộ sản phẩm chế biến	79.040.000	-
Giếng khoan (Thanh Mỹ)	1.959.967.573	3.984.967.573
Hệ thống xử lý nước thải Long Cang	4.628.173.443	4.628.173.443
Hệ thống xử lý nước hoảng, giếng bình (Thanh Mỹ)	2.332.579.772	-
Chi phí đầu tư mua sắm mới xe taxi	3.410.272.730	-
Công trình nhà máy chế biến thủy sản Thủy Sản Hoàng Long	576.829.697.199	336.387.157.232
Quyền sử dụng đất nhà máy sản xuất nước đá	4.444.324.028	4.437.843.028
CT xây dựng giếng 3 NM cấp nước (Hạ Tầng)	468.711.073	-
Khác	1.550.825.309	256.184.000
Tổng cộng	608.765.973.548	478.007.438.770

5.10. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	132.038.108.439	131.978.108.439
Đầu tư dài hạn khác	-	-
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	132.038.108.439	131.978.108.439
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	132.038.108.439	131.978.108.439

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết công ty liên kết Công ty đã đầu tư như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2012	Tỷ lệ vốn góp theo giấy phép kinh doanh
+ Công ty TNHH SX và TM Thanh Thy	Liên kết	131.978.108.439	30%
Cộng		131.978.108.439	

5.11. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí CCDC chờ phân bổ	4.418.310.079	8.586.977.036
Chi phí sửa chữa lớn	-	47.085.616
Chi phí san lấp mặt bằng máy nước	-	-
Thiết bị, phụ tùng xe ô tô	282.285.666	-
Chi phí cải tạo ao, nhà kho	513.266.314	2.575.600.174
Chi phí thuê đất	2.024.650.388	576.139.722
Chi phí khác	3.630.074.534	4.038.846
Tổng cộng	10.868.586.981	11.789.841.394

5.12. Tài sản thuế hoãn lại

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim	3.757.031.860	3.510.035.669
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời do trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	7.139.034.378	7.139.034.378
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời khác	-	260.279.078
Tổng cộng	10.896.066.238	10.909.349.125

5.13. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ thuê kho theo HĐ số 02/TMB08 ngày 10/10/2008 với công ty Phương Nam	312.100.000	100.000.000
Nộp thuế chống phá giá	843.727.377	-
Đặt cọc khác	-	15.000.000
Tổng cộng	1.155.827.377	115.000.000

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14. Vay ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay cá nhân	4.900.000.000	-
Vay ngân hàng	1.178.852.147.602	800.589.964.892
Tổng cộng	1.183.752.147.602	800.589.964.892

Vay ngân hàng với lãi suất từ 13%/năm đến 15%/năm đối với VNĐ, 6%/năm đến 8%/năm đối với USD với mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp sau :

- 7.400.658 cổ phiếu HLG được phát hành bởi Công Ty CP Tập đoàn Hoàng Long trị giá 189.456.000.000 đồng theo hợp đồng thế chấp số 0142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Quyền sử dụng đất tại xã Long Cang - Huyện Cần Đước – Tỉnh Long An thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công Ty CP Tập Đoàn Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 0099/NHNT-TDC/TC11 ngày 23/03/2011.
- Các tài sản thế chấp cho ngân hàng PGB ứng với hợp đồng tín dụng số 149/2011/HMTD/NH-PN/PCB ngày 29/03/2011.
- Các xe ô tô mua để kinh doanh theo hợp đồng thế chấp số 4711/2010/HĐTC-DN-HCM ngày 16/11/2011.
- Toàn bộ bất động sản tại nhà máy, hàng tồn kho, các trang thiết bị, máy móc tại nhà máy chế biến thủy sản.

5.15. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	434.658.071.627	293.912.614.582
Người mua trả tiền trước	143.265.820.127	14.261.536.016
Tổng cộng	577.923.891.754	308.174.150.598

Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả tiền đền bù giải tỏa	5.707.412.000	5.707.412.000
Phải trả tiền mua nhà máy sản xuất thức ăn nổi	7.289.800.000	7.914.640.000
Phải trả tiền hoạt động thương mại	2.600.406.257	5.622.584.968
Phải trả tiền mua nguyên liệu chế biến thủy sản	413.653.545.563	272.315.648.592
Phải trả về hoạt động thi công	1.263.871.662	1.259.245.835
Khác	4.143.036.145	1.093.083.187
Cộng	434.658.071.627	293.912.614.582

Chi tiết khoản người mua trả tiền trước như sau :

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trả trước cho hoạt động chuyển quyền sử dụng đất	10.790.709.001	2.761.184.112
Trả trước cho hoạt động thương mại	130.374.844.389	10.754.766.503
Khác	2.100.266.737	745.585.401
Cộng	143.265.820.127	14.261.536.016

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế GTGT hàng nội địa	7.238.990.995	3.051.407.929
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	278.282.137	665.388.869
Thuế nhập khẩu	-	-
Thuế TNDN	6.756.539.618	5.581.933.352
Thuế TNCN	611.147.426	253.241.279
Thuế tài nguyên	22.488.190	25.101.377
Thuế nhà đất	-	-
Các khoản phí, lệ phí	3.123.478.823	3.097.186.966
Tổng cộng	18.030.927.189	12.674.259.772

5.17. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Trích trước chi phí cho công trình Long Kim 2	18.513.790.507	18.513.790.507
Trích trước chi phí cho khu biệt thự nhà vườn An Thạnh	28.625.323.710	28.556.137.510
Trích trước chi phí nuôi cá chưa quyết toán	-	5.154.426.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	1.021.439.200
Trích trước lương, thưởng tháng 13	-	1.148.604.172
Trích trước chi phí lãi vay	3.470.445.746	4.161.994.079
Trích trước chi phí thuê ao	-	-
Trích trước chi phí tiền điện	-	-
Khác	2.971.420.949	175.000.000
Tổng cộng	53.580.980.912	58.731.391.468

5.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	729.504.895	707.617.936
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	2.102.312.154	723.451.143
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	515.565.000	603.726.000
Phải trả Công ty TNHH Thanh Thy	13.469.443.935	19.475.443.935
Phải trả tiền mượn ông Phạm Phúc Toại	-	504.597.500
Phải trả tiền hàng chưa có hóa đơn	1.927.017.225	16.539.793.518
Phải trả lãi tiền lãi vay	-	4.099.006.797
Phải trả tiền vay các đối tượng khác	42.177.349.295	93.447.123.910
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.791.50.633	2.281.122.256
Tổng cộng	66.712.695.137	138.381.882.995

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.19. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nhận ký quỹ của tài xế lái xe taxi	6.036.400.888	5.367.805.888
Nhận đặt cọc bán hàng	380.000.000	630.000.000
Tổng cộng	6.416.400.888	5.997.805.888

5.20. Vay và nợ dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vay ngân hàng	54.199.001.344	196.628.850.494
Tổng cộng	54.199.001.344	196.628.850.494

Vay ngân hàng với lãi suất là 13%/năm đến 17,52%/năm đối với VNĐ, 6%/năm đến 9,5%/năm đối với USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp gồm:

- 7.400.658 cổ phiếu HLG theo hợp đồng thế chấp số 0.142/HĐTC/PGBLA/09 ngày 30/12/2009.
- Ô tô kinh doanh taxi hình thành từ vốn vay
- Toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà xưởng, thiết bị thuộc dự án Nhà máy chế biến thủy sản Hoàng Long theo hợp đồng thế chấp số 277/2009/HĐTC/PGB ngày 22/07/2009.
- Diện tích đất trồng lúa tại huyện Tam Nông và huyện Thanh Bình Tỉnh Đồng Tháp.

5.21. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ khoản lỗ chưa thực hiện trong hàng tồn kho	14.510.651	14.510.651
Tổng cộng	14.510.651	14.510.651

5.22. Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu năm
Khách hàng ứng trước theo tiến độ hợp đồng kinh doanh bất động sản	12.494.800.010	14.900.821.927
Tổng cộng	12.494.800.010	14.900.821.927

**TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23 Vốn chủ sở hữu

5.23.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ năm trước	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	44.715.649	26.982.559.962	77.104.211.373	540.385.336.984
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận	-	-	-	-	-	62.860.750.031	62.860.750.031
Trích quỹ	-	-	-	-	3.812.174.337	(8.047.923.600)	(4.235.749.263)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(27.069.743.000)	(27.069.743.000)
CL tỷ giá	-	-	-	49.247.312	-	-	49.247.312
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	-	(227.781.356)	(227.781.356)
Số dư đầu năm nay	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	93.962.961	30.794.734.299	104.619.513.448	571.762.060.708
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	149.560.327	149.560.327
CL tỷ giá	-	-	-	(93.962.961)	-	-	(93.962.961)
Phần lỗ gánh chịu cho CĐTS	-	-	-	-	-	286.788.617	286.788.617
Trích quỹ	-	-	-	-	5.657.467.503	(11.943.542.506)	(6.286.075.003)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(48.652.312.500)	(48.652.312.500)
Số dư cuối năm nay	443.753.850.000	-	(7.500.000.000)	-	36.452.201.802	44.460.007.386	517.166.059.188

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.23.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các đối tượng khác	443.753.850.000	443.753.850.000
Tổng cộng	443.753.850.000	443.753.850.000

5.23.3. Cổ phần

Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	44.375.388	44.375.388
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	44.375.385	44.375.385
Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	(150.000)	(150.000)
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	44.225.385	44.225.385

- Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

5.23.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(39.040.350.478)	17.042.35.200
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	44.225.385	44.225.385
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	(883)	385

5.24. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ này	Đầu năm
Số dư đầu năm	13.594.638.475	13.729.815.411
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong kỳ	400.000.000	-
Vốn góp của cổ đông thiểu số giảm trong kỳ	(13.594.638.475)	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	(24.869.034)	(135.176.936)
Số dư cuối năm	375.130.966	13.594.638.475

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu hoạt động thương mại	23.620.414.640	31.184.118.664
Doanh thu hoạt động thi công	1.807.129.090	-
Doanh thu bất động sản	412.302.363	30.007.449.855
Doanh thu cung cấp dịch vụ	311.441.099	56.392.321
Doanh thu cung cấp nước	3.451.206.608	1.686.052.890
Doanh thu taxi	37.910.597.224	33.453.758.809
Doanh thu chế biến, nuôi trồng thủy sản	322.468.966.317	315.701.102.329
Doanh thu khác	3.652.929.286	-
Hàng bán bị trả lại	(4.251.264.011)	(36.736.003.402)
Doanh thu thuần	389.383.722.616	375.352.871.466

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn hoạt động thương mại	17.832.002.699	32.829.132.509
Giá vốn hoạt động thi công	1.790.058.182	-
Giá vốn hoạt động bất động sản	614.746.683	742.719.109
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	65.217.444
Giá vốn cung cấp nước	1.464.113.834	961.187.921
Giá vốn taxi	30.575.799.126	25.832.924.511
Giá vốn chế biến, nuôi trồng thủy sản	308.956.391.687	254.420.192.935
Giá vốn hoạt động khác	5.199.016.790	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.071.991.139)	-
Tổng cộng	363.360.137.862	314.851.374.429

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	60.154.538	79.069.305
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.465.199.545	1.151.376.891
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Khác	9.742.020.478	1.970.379.280
Tổng cộng	12.267.374.561	3.200.825.476

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	23.718.578.698	4.805.521.477
Chi phí lãi tiền ký quỹ của taxi	-	71.477.231
Chi phí chiết khấu thanh toán	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	724.117.259	15.218.922.972
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.123.460	-
Chi phí lãi vay do chậm thanh toán	-	-
Chi phí cho khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Khác	98.029.583	3.982.669.847
Tổng cộng	24.557.849.000	24.078.591.527

6.5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	4.224.156.619	1.017.129.808
Chi phí vật liệu bao bì, CCDC	6.715.800.211	3.595.233.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.722.974	135.674.834
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.784.202.616	8.046.348.592
Chi phí bằng tiền khác	4.226.552.134	4.518.972.253
Tổng cộng	26.048.434.554	17.313.359.325

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	11.577.819.675	8.198.325.568
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.983.681.254	732.293.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	865.475.485	1.322.237.426
Thuế, phí và lệ phí	107.380.259	227.071.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	515.320.570	2.515.532.034
Chi phí bằng tiền khác	7.871.341.155	3.666.867.089
Tổng cộng	23.921.018.398	16.662.327.589

6.7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu phí đo đạc	-	14.230.909
Thu tiền bán phế liệu	536.934.563	77.563.228
Thu thanh lý tài sản cố định	7.583.342	2.492.371.433
Thu lại trả chậm, phạt vi phạm hợp đồng	273.568.723	356.865.731
Thu nhập khác	1.650.962.725	936.943.324
Tổng cộng	2.469.049.353	3.877.974.625

6.8. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	2.228.174.966
Chi phí liên kết ao nuôi	-	116.293.000
Chi phí khác	2.441.491.370	131.428.307
Tổng cộng	2.441.491.370	2.475.896.273

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chênh lệch tạm thời	Số tiền	Thuế suất	Chi phí thuế hoãn lại
Chi phí thuế hoãn lại do trích trước chi phí cho khu đất Long Kim 2	24.778.127	25%	6.194.532
Chi phí thuế hoãn lại từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của kỳ này	(80.357.216)	25%	(20.089.304)
Tổng cộng	(55.579.089)		(13.894.772)

TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HOÀNG LONG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Giao dịch giữa Công ty và các công ty con, được gọi là các bên liên quan, đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.
- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Phải thu Ông Phạm Phúc Toại	-	3.066.700.000
Phải thu Cty An Thịnh	-	1.100.000.000
Phải thu Phạm Thúy An	-	700.000.000
Phải thu Cty Kim Hoàng Long	-	5.460.000
Phải thu Phạm Thu Hiền	-	1.250.000.000
Phải trả Công Ty An Thịnh	-	12.072.455.500
Phải trả Ông Phạm Phúc Toại	8.451.812.779	3.726.520.863
Phải trả Công Ty Thanh Thy	13.469.443.935	23.633.443.935
Phải trả Công Ty Kim Hoàng Long	-	36.490.000.000
Phải trả Phạm Thúy An	7.783.000.000	-
Phải trả Cty TM Hoàng Long	-	27.450.000.000

- Bản chất các giao dịch với công ty liên kết và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay công ty TNHH Thanh Thy	680.647.215	988.231.225

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập của các thành viên trong Ban Tổng Giám Đốc	633.012.616	463.638.669

8. Các sự kiện sáu ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 15 tháng 02 năm 2013.

Long An, ngày 15 tháng 02 năm 2013

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ TRÚC

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHẠM PHÚC TOẠI